

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **59/2021/DS-ST**
Ngày : 17/12/2021
V/v: “*Tranh chấp đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 68/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 về “*tranh chấp đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Võ Thị Thu H**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1971 và bà **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Thanh Bình, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H có mặt, ông T và bà H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Thu H trình bày: Bà H không có quan hệ họ hàng với vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thúy H. Hai bên có quen biết và thân thiết nên bà H có cho vợ chồng ông T, bà H vay tiền, cụ thể:

Ngày 24/01/2017 bà H cho bà H vay số tiền 20.000.000 đồng, bà H tự viết giấy vay tiền, ký và ghi họ tên và trực tiếp lấy tiền vay tại nhà bà H, có hẹn cuối năm 2017 sẽ trả, lãi thỏa thuận miệng là 2%/tháng, khi nào trả gốc thì trả lãi.

Ngày 03/3/2017 bà H cho bà H vay của 40.000.000 đồng, bà H viết tiếp nội dung vay nợ vào giấy vay cũ ngày 24/01/2017, ký và ghi họ tên và nhận tiền vay tại nhà bà H, có hạn cuối năm 2017 sẽ trả, lãi thỏa thuận miệng 2%/tháng, khi nào trả gốc thì trả lãi.

Ngày 26/01/2018 bà H cho bà H vay số tiền 550.000.000 đồng, bà H viết giấy vay tiền, ký, ghi họ tên và trực tiếp lấy tiền tại nhà bà H, có hạn đến ngày 25/02/2018 sẽ trả, lãi thỏa thuận miệng 2%/tháng, khi nào trả gốc thì trả lãi. Trong giấy vay tiền có ghi tên ông T (chồng bà H) nhưng không ký tên và có nói vợ chồng vay khoản tiền này để đáo hạn khoản nợ ngân hàng vợ chồng vay trước đó.

Trong các khoản vay bà H trực tiếp nhận tiền vay, viết giấy vay, ký và ghi họ tên. Tại thời điểm vay nợ thì bà H và ông T là vợ chồng, đang sinh sống tại làm ăn địa phương. Ông T biết các khoản nợ này nhưng có nói với bà H cứ cho bà H vay, sau này vợ chồng sắp xếp trả. Vì tin tưởng nên bà H không đưa giấy tờ vay cho ông T ký tên. Tuy nhiên đến hạn trả nợ thì bà H và ông T không trả mặc dù bà H đòi nợ nhiều lần. Đến năm 2019 ông T, bà H bỏ đi khỏi địa phương không báo cho bà H và cũng không trả nợ. Nay các khoản trên đã quá thời hiệu khởi kiện, bà H yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả tổng số tiền gốc đã vay là 610.000.000 đồng, không tính lãi.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thúy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/9/2021 nhưng không được. Đồng thời bà H có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải trả cho bà H số tiền đã vay là 610.000.000 đồng, không tính lãi. Về án phí đề nghị buộc bị đơn bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thúy H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Võ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu vợ chồng Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Thúy H phải trả cho bà H số tiền gốc đã vay gồm có: Ngày 24/01/2017 vay 20.000.000 đồng, hạn cuối năm 2017 trả; ngày 03/3/2017 vay 40.000.000 đồng, hạn cuối năm 2017 trả; ngày 26/01/2018 vay 550.000.000 đồng, hạn đến ngày 25/02/2018 trả. Đến ngày 14/4/2021 bà H khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà H trả tổng số nợ gốc đã vay 610.000.000 đồng, không tính lãi. Hiện nay vợ chồng ông T, bà H có hộ khẩu thường trú tại thôn Thanh Bình, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng tuy nhiên đã đi khỏi địa phương không để lại địa chỉ mới. Bà H cung cấp địa chỉ của bị đơn mà bà H biết được tại thời điểm khởi kiện và ghi trong giấy nợ là thôn Thanh Bình, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*kiện đòi tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng được quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Bà H không có quan hệ họ hàng gì với bà H, ông T, hai bên có quen biết nhau nên có phát sinh quan hệ vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 24/01/2017 bà H cho bà H vay số tiền 20.000.000 đồng, nội dung vay tiền được viết trên một mặt của tờ giấy kẻ ô ly vở học sinh, bà H viết nội dung, ký tên, hạn đến cuối năm 2017 trả cả gốc và lãi cho bà H. Ngày 03/3/2017 bà H cho bà H vay tiếp số tiền 40.000.000 đồng, nội dung vay tiền bà H viết tiếp vào tờ giấy vay cũ của ngày 24/01/2017, ký và ghi họ tên, có hạn cuối năm 2017 sẽ trả. Trong hai khoản vay trên không thể hiện lãi suất bao nhiêu, bà H cũng có ghi cuối năm 2017 trả cả gốc và lãi, bà H trình bày lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng, khi nào trả gốc thì trả lãi. Đến ngày 26/01/2018 bà H cho bà H vay tiếp số tiền 550.000.000 đồng. Bà H tự viết giấy vay tiền, ký và ghi họ tên trên một mặt tờ giấy kẻ ô ly vở học sinh, có hạn đến ngày 25/02/2018 sẽ hoàn trả. Trong giấy vay không thể hiện lãi suất cho vay, bà H trình bày lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng, khi nào trả gốc thì trả lãi. Như vậy bà H cho bà H vay tiền 03 lần với tổng số tiền gốc là 610.000.000 đồng. Nội dung vay tiền đều do bà H viết, ký và ghi họ tên xác nhận nợ và hạn ngày trả nợ cho bà H. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ bà H không trả nợ mặc dù bà H đã đòi nợ, đã khởi kiện nhưng đến nay chưa trả. Do các khoản vay đều có thời hạn trả nợ nhưng đến ngày 14/4/2021 bà H mới khởi kiện để yêu cầu giải quyết, vì vậy đã quá thời hiệu để khởi kiện hợp đồng vay tài sản và lãi phát sinh, bà H yêu cầu đòi lại số tiền

gốc đã cho bà H vay là 610.000.000 đồng. Vì vậy việc bà H khởi kiện để yêu cầu bà H trả số nợ gốc đã vay như trên là hoàn toàn có căn cứ và được chấp nhận.

Xét thấy trong ba khoản nợ trên thì chỉ có bà H vay, lấy tiền, viết giấy vay, ký và ghi họ tên người vay tiền, không có chữ ký xác nhận nợ của ông T. Bà H cho rằng tại thời điểm cho vay ông T và bà H là vợ chồng, còn sinh sống làm ăn tại địa phương, ông T biết và đồng ý cùng bà H trả nợ cho bà H. Quá trình giải quyết vụ án ông T không đến làm việc để xác nhận nợ chung, tại phiên tòa hôm nay bà H cũng không có căn cứ gì chứng minh ông T thừa nhận nợ chung nên không có căn cứ buộc ông T phải có trách nhiệm cùng bà H trả số tiền trên cho bà H. Vì vậy cần buộc cá nhân bà H trả số tiền 610.000.000 đồng cho bà H là đúng pháp luật.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 28.400.000 đồng (20.000.000 đồng + 4% x 210.000.00 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 166, 275 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H đối với ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Thúy H về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải trả cho bà Võ Thị Thu H số tiền 610.000.000 (*sáu trăm mười triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải nộp 28.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thu H số tiền 14.200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2017/0004968 ngày 19/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy**